TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2023/DS-ST Ngày: 18-4-2023 V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký Phên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia Phên toà: Ông Nguyễn Kim Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2022/TLST-DS, ngày 12 tháng 12 năm 2022, về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-DS ngày 10/3/2023 và Quyết định hoãn Phên toà số 19/2023/QĐST-DS ngày 29/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Khắc Hà P, sinh năm: 1993. Địa chỉ: 49 C, Phường N, thành phố T, Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm: 1960; Địa chỉ: 49 C, Phường N, thành phố T, Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1998. Địa chỉ: 23/29 N, Phường S, thành phố T, Phú Yên. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị H, sinh năm: 1960; Địa chỉ: 49 C, Phường N, thành phố T, Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Võ Khắc Hà P trình bày*:

Tôi (P) và ông Phạm Văn T là bạn bè thân thiết nhiều năm. Ông T có kinh doanh than không khói và cần tiền vốn để kinh doanh nên có nhờ tôi đứng ra vay tiền dùm cho ông để giúp ông T trong việc làm ăn. Vì nghĩ bạn bè thân thiết và rất tin tưởng lẫn nhau nên vào cuối năm 2020, tôi đã đứng ra vay và đưa cho ông Phạm Văn T vay lại nhiều lần với số tiền 1.830.000.000 đồng, nhưng đều không viết giấy tờ gì. Đến năm 2021, do dịch bệnh Covid kéo dài, việc kinh doanh của ông T gặp khó khăn nên ông T không trả được nợ đúng hạn. Tôi đã nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông T không trả. Vào cuối năm 2021, ông T viết giấy nhận nợ xác nhận có vay của tôi số tiền 827.000.000 đồng; đây là những khoản tiền đã đến hạn trả nợ tại thời điểm đó và hẹn mỗi tháng trả ít nhất 40.000.000 đồng; còn khoản tiền còn lại 1.003.000.000 đồng chưa đến hạn nên ông T chưa viết giấy nhận nợ. Tuy nhiên, đến nay tất cả các khoản này đã đến hạn nhưng ông T vẫn chưa trả được cho tôi bất kỳ số tiền đã vay nào. Do đó, tôi khởi kiện yêu cầu Toà giải quyết ông T phải trả cho tôi số tiền đã vay tổng cộng là 1.830.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị H trình bày*: Võ Khắc Hà P là con ruột của tôi (H). Vào cuối năm 2021 (khoảng 26 Tết), con tôi có nói là vay nợ bên ngoài dùm cho Phạm Văn T đã đến hạn trả nợ nên lúc đó cả T và P đều đến nhà tôi gặp tôi và nhờ tôi đứng ra trả nợ dùm. Tôi đã trả dùm được số tiền 827.000.000 đồng và T viết giấy nhận nợ lại cho P cũng vào thời gian đó. Nay P khởi kiện ra Toà yêu cầu giải quyết buộc ông T trả nợ thì đề nghị Toà giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với việc tôi đứng ra trả nợ dùm cho con trai, tôi không khởi kiện yêu cầu Toà giải quyết mà giữa mẹ con tôi sẽ tự thương lượng.

* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt nên không có lời khai và không T hành hòa giải được.

Tại Pên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Khắc Hà P trình bày: Nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.003.000.000 đồng và giữ nguyên một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ là 827.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị H thống nhất theo trình bày của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Pên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 827.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Pên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Biên bản xác minh ngày 10/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thì hiện bị đơn ông Phạm Văn T không có mặt tại địa chỉ cư trú. Việc ông T bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo với nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật dân sự. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, việc ông T không thông báo cho nguyên đơn địa chỉ nơi cư trú, làm việc mới được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án T hành giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia Pên tòa mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự T hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền 1.003.000.000 đồng; tại Pên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện này theo như đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngày 17/4/2023. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận; đình chỉ xét xử sơ thẩm một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 827.000.000 đồng, thấy: Tại Giấy nhận nợ (bản gốc) không đề ngày tháng năm do nguyên đơn cung cấp, bị đơn ông Phạm Văn T xác nhận có vay của ông Võ Khắc Hà P số tiền 827.000.000 đồng, vì lý do trong năm 2021 mua bán than không khói bị thua lỗ và cam kết mỗi tháng sẽ hoàn trả ít nhất 40.000.000 đồng. Theo trình bày của nguyên đơn giấy nhận nợ này được bị đơn viết cuối năm 2021. Trong giấy nhận nợ, bị đơn xin không tính lãi. Tuy nhiên, từ đó đến nay bị đơn không thực hiện việc trả nợ và cố tình trốn tránh là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

Tiền lãi chậm trả được tính từ ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện (ngày 14/11/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18/4/2023 là: 05 tháng 04 ngày x 827.000.000 đồng x 10%/năm (0,833%/tháng; 0,027%/ngày) = 35.337.710 đồng.

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi mà bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 862.337.710 đồng.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền 1.003.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Khắc Hà P. Buộc bị đơn ông Phạm Văn T phải trả cho nguyên đơn ông Võ Khắc Hà P số tiền vay còn nợ tính đến ngày 18/4/2023 tổng cộng là 862.337.710 đồng (*Tám trăm sáu mươi hai triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm mười đồng*); trong đó: tiền gốc là 827.000.000 đồng và tiền lãi là 35.337.710 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị đơn ông Phạm Văn T phải chịu 37.870.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Võ Khắc Hà P 33.450.000 đồng (*Ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0007814 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**